

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 44/2018/DS-ST
Ngày : 08-10-2018
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Ninh

Ông Nguyễn Văn Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý 94/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Thị B. Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Đỗ Văn C. Địa chỉ: ấp G, xã P, thành phố T, tỉnh Tiền Giang..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thị Kim L, Văn phòng luật sư Kim L. Địa chỉ: Ấp G, xã P, thành phố T, tỉnh Tiền Giang.

- ***Bị đơn:*** 1/ Bà Huỳnh Thị Lệ T (L)

2/ Ông Lê Hoàng Vũ

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 của bà Thái Thị B và quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà B có cho ông Lê Hoàng V và bà Huỳnh Thị Lệ T vay 04 lần với tổng số tiền là 630.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- ***Lần 1:*** Vào ngày 27/6/2017 (dl) ông V, bà T vay 150.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà B có yêu cầu thì bà T, ông V sẽ trả lại, bà T có ký tên giấy nhận nợ.

- Lần 2: Vào ngày 20/8/2017 (dl) ông V, bà T vay 80.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà B có yêu cầu thì bà T, ông V sẽ trả lại, bà T có ký tên giấy nhận nợ.

- Lần 3: Vào ngày 01/9/2017 (dl) ông V, bà T vay 150.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, khi nào bà B có yêu cầu thì bà T, ông V sẽ trả lại, ông V có ký tên giấy nhận nợ.

- Lần 4: Vào ngày 25/9/2017 (dl) ông V, bà T vay 250.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất, bà T, ông V có ký tên giấy nhận nợ. Bà T và ông V hẹn đến 25/10/2017 thì trả hết tổng cộng số tiền vốn vay là 630.000.000 đồng cho bà B.

Từ tháng 10/2017- tháng 4/2018 bà T và ông V có trả cho bà B nhiều lần tổng cộng là 80.000.000 đồng, tiền vốn vay còn lại là 550.000.000 đồng. Bà B yêu cầu bà T và ông V trả một lần vốn vay là 550.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2018 bà Huỳnh Thị Lệ T là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày 04 lần vay của người đại diện cho bà B thì bà xác định lại như sau:

- Lần 1 và lần 2 bà có vay bà B số tiền như ông C trình bày.

- Lần 3: Số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 01/9/2017 (dl) ông V ký tên là không đúng, vì đây là số tiền bà B yêu cầu ông V ký xác nhận lại số tiền do bà vay vào ngày 27/6/2017, chứ vợ chồng bà không có vay số tiền này.

- Lần 4: Số tiền vay 250.000.000 đồng vào ngày 25/9/2017 (dl), bà và ông V cùng ký tên giấy nhận nợ. Đây là số tiền do hai bên chơi hội, phần hội gồm 25 hội viên, một tháng khai một lần, hội khai ngày 25/8/2017, hội mãi không nhớ, bà hốt kỳ thứ nhất là 178 triệu mấy, ông V nhận tiền. Khi hốt hội xong ông V có trả 80.000.000 đồng vào ngày 01/9/2017 (ngày giao hội) cho bà B số tiền vay lần thứ hai 80.000.000 đồng ngày 20/8/2017.

Như vậy, bà và ông V chỉ còn nợ bà B số tiền vay lần 1 là 150.000.000 đồng
Lần 2 đã trả xong.

Lần 3 số tiền vay trùng với số tiền vay của lần 1 (bà và ông V chỉ nợ bà B lần 1).

Lần 4 là số tiền hội, bà đã trả đến tháng 01/2018 là 50.000.000 đồng.

Nay bà, ông V chỉ nợ bà B là 350.000.000 đồng (150.000.000 lần vay thứ 1; 200.000.000 đồng phần tiền hội). Phần nợ 200.000.000 đồng bà xin trả dần một tháng 10.000.000 đồng, phần nợ 150.000.000 đồng bà xin trả trong thời gian 06 tháng.

Ngày 24/8/2018 Tòa án tiến hành đối chất vụ việc giữa các bên. Tuy nhiên, bà T và ông V vắng mặt không có lý do.

Tại bài phát biểu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Theo các biên nhận nợ thì từ ngày 27/6/2017- 25/9/2017 bà T và ông V có vay của bà B tổng cộng là 630.000.000 đồng, không lãi suất, hẹn khi nào cần thì bà B thông báo trước để nhận lại tiền, tính đến tháng 04/2017 bà T có trả cho bà B là 80.000.000 đồng, bà T, ông V còn nợ lại 550.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bà T và ông V không thanh toán nợ cho bà B, mặc dù bà B đã đòi nợ. Bà T cho rằng chỉ nợ bà B là 350.000.000 đồng. Tòa án tiến hành đối chất bà T và ông V vắng mặt và bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh là nợ bà B chỉ có 350.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ, nên đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T và ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia tố tụng: Ông Cg, Luật sư thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bà T, ông V không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà B yêu cầu bà T và ông V phải liên đới trả nợ vốn vay là 550.000.000 đồng, bà T đồng ý nợ bà B là 350.000.000 đồng vốn vay và xin trả dần. Tòa án tiến hành đối chất, bà T và ông V vắng mặt, điều đó thể hiện bà T, ông V từ bỏ quyền chứng minh của mình và bà T, ông V cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh chỉ có nợ bà B là 350.000.000 đồng vốn vay nên cần buộc bà T và ông V liên đới trả 550.000.000 đồng cho bà B.

Tại phiên tòa ông C không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Thái Thị B khởi kiện bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T và ông V vắng mặt không có lý do, Luật sư L có đơn xin vắng mặt. Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qua quá trình giải quyết vụ án ông C là người đại diện theo ủy quyền của bà B khởi kiện yêu cầu bà T và ông V phải liên đới trả cho bà B tổng cộng vốn vay còn lại là 550.000.000 đồng, không tính lãi chậm trả. Bà T cho rằng bà, ông V có vay bà B lần 1 là 150.000.000 đồng và khoảng nợ 200.000.000 đồng là tiền hui nhưng bà B không thừa nhận. Tòa án tiến hành đối chất, bà T, ông V vắng mặt, điều đó thể hiện bà T, ông V từ bỏ quyền chứng minh của mình và bà T, ông V không có tài liệu gì chứng cứ chứng minh chỉ nợ bà B là 350.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà T, nên cần buộc bà T và ông V phải liên đới trả cho bà B là 550.000.000 đồng vốn vay theo quy định tại Điều 288, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V là có căn cứ.

[3] Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; và các điều 288, 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị B về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V.

Buộc bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V phải liên đới thanh toán cho Thái Thị B số tiền vốn vay là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Lê Hoàng V phải liên đới nộp 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Thái Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.000.000 (mười ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0002286 ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí